TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 261/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 10 - 2019.
V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Bình An.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông La Văn Việt
Ông Lý Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Ý- Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 15 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 829/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2019 về việc " Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 318/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Tạ Cẩm T, sinh năm 1995

2. Bị đơn: Anh Trần Văn N, sinh năm 1991
Cùng địa chỉ: Ấp 7, xã K, huyện U, tỉnh C.
Cùng tạm trú: Ấp T, xã M, huyện Đ, tỉnh L.
(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn ngày 06 tháng 8 năm 2019 và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa, chị Tạ Cẩm T trình bày: Chị và anh Trần Văn N không có tìm hiểu nhau mà do mai mối, sau đó chung sống với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện U, tỉnh C. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 7 năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do cuộc sống không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cải vã nhau, anh N hay ghen tuông vô cớ nên chị và anh N ly thân nhau từ ngày 06 tháng 8 năm 2019 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh Trần Văn N.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị và anh N có 01 con chung tên Trần Chí T, sinh ngày 10 tháng 3 năm 2015, hiện nay chị đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị xin được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại lời trình bày của anh Trần Văn N: Anh Nxác nhận về điều kiện kết hôn, thời gian chung sống, con chung là đúng theo lời trình bày của chị Tạ Cẩm T, anh N cho rằng cuộc sống vợ chồng không có phát sinh mâu thuẫn gì trầm trọng mà chỉ là không thống nhất nhau trong việc chu cấp tiền phụng dưỡng cha mẹ hai bên nên có cải vã nhau, dẫn đến vợ chồng ly thân nhau từ tháng 8 năm 2019 cho đến nay.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Nay chị T xin ly hôn, anh không đồng ý mà anh xin đoàn tụ.

Nếu Tòa án có căn cứ cho ly hôn anh đồng ý giao con chung tên Trần Chí T, sinh ngày 10/3/2015 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ các kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Tạ Cẩm T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn N; anh Trần Văn N có địa chỉ tạm trú tại ấp T, xã M, huyện Đ, tỉnh L được Công an xã M xác nhận và có mặt tại địa phương nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Tạ Cẩm T và anh Trần Văn N không có tìm hiểu nhau mà do mai mối, sau đó chung sống với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện U, tỉnh C nên hôn nhân giữa chị T và anh N là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Trong quá trình chung sống, chị T cho rằng do cuộc sống không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, chị và anh N hay cải vã nhau về kinh tế gia đình, anh N hay ghen tuông vô cớ nên chị và anh N đã ly thân từ tháng 8 năm 2019 đến nay. Mâu thuẫn giữa chị và anh N cũng không được gia đình hai bên và chính quyền địa phương giải quyết. Đối với anh Trần Văn N, từ khi anh và chị T ly thân cho đến nay, anh N không đưa ra được hướng đoàn tụ. Từ những phân

tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng đời sống chung vợ chồng của chị T và anh N không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, xét yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh N là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về con chung: Chị T và anh N xác định có một con chung tên Trần Chí T sinh ngày 10 tháng 3 năm 2015 hiện nay do chị T đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị T xin được tiếp tục nuôi con chung. Đối với anh N cũng đồng ý giao cháu T cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

Thấy rằng cháu Trần Chí T là con chung của chị T và anh N, từ khi chị T và anh N ly thân cho đến nay, chị T là người trực tiếp nuôi con chu đáo, do đó để đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu T, cần giao cháu T cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Tại phiên Tòa hôm nay, chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản chung: Chị T và anh Nthống nhất khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về nợ chung: Chị T và anh N thống nhất khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Chị Tạ Cẩm T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Tạ Cẩm T đối với anh Trần Văn N về việc "Ly hôn".

Chị Tạ Cẩm T được ly hôn với anh Trần Văn N.

2. Về con chung: Chị Tạ Cẩm T được tiếp tục nuôi con chung tên Trần Chí T, sinh ngày 10 tháng 3 năm 2015 (Chị T đang nuôi con). Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị T không yêu cầu.

Bên không nuôi con được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Khi cần thiết các bên có thể thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Tạ Cẩm T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0003331 ngày 08/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa sang án phí để thi hành. Như vậy chị T không phải nộp tiếp.

Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND xã K,
huyện U, tỉnh C;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

ĐÃ KÝ

Đỗ Bình An